TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-3-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Dương Nguyên Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 873/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1983

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: Tổ 32, ấp X, xã H, huyện G, tỉnh T.

Anh Q và chị M đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-11-2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M chung sống với nhau từ năm 2004. Trước khi kết hôn anh chị có qua tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện. Anh chị có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.

Anh chị chung sống đến tháng 8-2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và chị M cờ bạc. Tháng 9-2018, chị M đã 02 (hai) lần lấy tổng số tiền 110.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng 18K mà vợ chồng dành dụm được để cờ bạc và anh có đánh chị M do

anh bắt gặp chị M đang đánh bài. Anh chị ly thân từ tháng 9-2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị M.

Về nuôi con: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 26-9-2005 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 24-5-2010. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với anh. Anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị chung sống có tài sản chung gồm: 04 con bò (02 con bò lớn, 02 con bò nhỏ), nhưng anh đã bán được số tiền 41.000.000 đồng. Số tiền bán bò anh dùng để trả nợ và gửi ngân hàng; 01 phần đất cất nhà diện tích ngang 06 m x dài 40 m và căn nhà thiếc trên đất; 01 phần đất ruộng trồng nhãn diện tích 2.400 m^2 đều tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện G, tỉnh T. Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-12-2018 và trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình chung sống chị thống nhất với ý kiến của anh Q. Chị thừa nhận có cờ bạc, chị có lấy số tiền 110.000.000 đồng để trả nợ, cờ bạc và cho người khác vay. Còn 7,5 chỉ vàng thì chị đã bán để tiêu xài do anh Q không cho tiền chi tiêu. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn là do anh Q ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác nên dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, anh Q thường xuyên đánh chị và các con. Anh chị ly thân từ tháng 9-2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Q.

Về nuôi con: Anh chị có 02 người con chung như anh Q trình bày là đúng. Chị không đồng ý giao 02 người con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Do anh Q thường xuyên đánh 02 con và không đảm bảo việc nuôi dạy con chung của anh chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa, chị M thay đổi ý kiến yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho 02 người con 1.500.000 đồng/tháng/01 người con.

Về chia tài sản: Anh chị chung sống có tài sản chung như anh Q trình bày là đúng. Chị cũng không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị cũng không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị M.

Về con chung: Giao cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 26-9-2005 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 24-5-2010 và buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị M là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M lấy tiền và vàng để cờ bạc, còn anh Q thì có đánh chị M. Anh chị thừa nhận đã sống ly thân từ tháng 9-2018 đến nay. Anh Q xin ly hôn và chị M cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị M là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về nuôi con*: Anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 26-9-2005 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 24-5-2010 hiện đang sống cùng với anh Q. Anh Q và chị M đều có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung. Anh Q thì cho rằng chị M thường xuyên cờ bạc, không có việc làm nên không có đủ điều kiện để nuôi dạy con tốt. Còn chị M thì cho rằng anh Q thường xuyên đánh đập các con nên chị không đồng ý giao con cho anh Q nuôi dưỡng.

[3] Xét thấy: Tại phiên tòa, anh Q thừa nhận có dùng cây đánh con chung mục đích để giáo dục các cháu nhưng anh đã trực tiếp xâm hại đến quyền và lợi ích của trẻ em cần được bảo vệ. Còn chị M, tuy chị có cờ bạc nhưng từ ngày anh chị sống ly thân không còn ở chung nhà nhưng 02 người con vẫn được chị M thường xuyên về nhà để chăm sóc và tại phiên tòa chị cũng đã cam kết không cờ bạc để chăm lo cho các con. Hơn nữa, cháu Gi và cháu Dg cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị M. Hiện nay, chị M đã đi làm có thu nhập ổn định nên có điều kiện để nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Do đó, cần giao 02 cháu Gi và D cho chị M được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa, chị M yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/01 người con). Anh Q không đồng ý. Xét thấy, nghề nghiệp hiện nay của anh Q là làm công nhân, có thu nhập ổn định 11.000.000 đồng/tháng nên chị M yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi 02 người con là phù hợp. Tuy nhiên, nghĩa vụ nuôi dưỡng, giáo dục con chung là nghĩa vụ chung của cả vợ và chồng và nhằm đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho anh Q nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Q cấp dưỡng cho mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/01 người con từ tháng 4-2019 cho đến khi cháu Gi, cháu D thành

niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được là phù hợp với quy định tại các điều 82, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung:* Anh Q và chị M đều trình bày tài sản chung gồm có: 04 con bò (02 con bò lớn, 02 con bò nhỏ), anh Q đã bán được số tiền 41.000.000 đồng; 01 phần đất cất nhà diện tích ngang 06 m x dài 40 m và căn nhà thiếc trên đất; 01 phần đất ruộng trồng nhãn diện tích 2.400 m^2 đều tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện G, tỉnh T. Anh Q và chị M không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Anh Q và chị M khai không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại nên không giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Anh Q và chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị M.

2. Về nuôi con: Giao cho chị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 26-9-2005 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 24-5-2010. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/01 người con từ tháng 4-2019 cho đến khi cháu Gi, cháu D thành niên và có khả năng lao động, tự sinh sống được.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Q phải chịu 75.000 *(Bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp theo biên lai thu số 0008465 ngày 13-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh Q phải nộp thêm số tiền 75.000 *(Bảy mươi lăm nghìn)* đồng.

Chị M phải chịu 75.000 *(Bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG